

THÔNG BÁO KẾT QUẢ ĐIỂM THI
Kỳ thi tuyển viên chức sự nghiệp GD&ĐT huyện năm học 2018 - 2019

Căn cứ Quyết định số 167/QĐ-SNV, ngày 09/11/2018 của Sở Nội vụ tỉnh Điện Biên về việc phê duyệt phương án tuyển dụng viên chức sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo huyện Điện Biên năm học 2018 - 2019.

Ủy ban nhân dân huyện Điện Biên thông báo một số nội dung về thời gian công bố kết quả điểm thi và nhận đơn phúc khảo kỳ thi tuyển dụng viên chức sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo huyện năm học 2018-2019 như sau:

1. Thời gian công bố kết quả điểm thi: Từ ngày 08/01/2019 (Có danh sách điểm thi kèm theo).

2. Thời gian nhận Đơn phúc khảo bài thi:

- Thời gian: Từ ngày 08/01/2019 đến hết ngày 24/01/2019 (kể cả Thứ Bảy và Chủ nhật).

- Địa điểm nhận Đơn phúc khảo: Ban Tổ chức và Nội vụ huyện Điện Biên.

3. Lưu ý:

- Chỉ xem xét, giải quyết việc phúc khảo đối với Đơn đề nghị phúc khảo được gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến UBND huyện Điện Biên.

- Không phúc khảo đối với đơn đề nghị phúc khảo nhận được sau thời hạn nêu trên (tính từ ngày gửi đơn theo dấu bưu điện trên phong bì nếu đơn được gửi theo đường bưu điện).

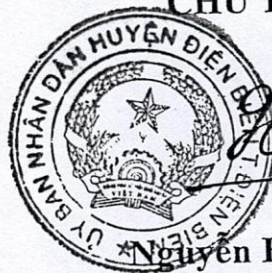
- Không thực hiện việc phúc khảo đối với môn thi Thực hành giảng dạy.

Mọi vướng mắc xin liên hệ Ban Tổ chức và Nội vụ huyện Điện Biên (Số điện thoại: 02153.820622) để được giải đáp.

Nơi nhận:

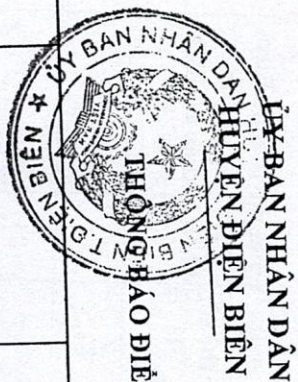
- Sở Nội vụ;
- TT Huyện ủy (B/cáo);
- TT HĐND huyện (B/cáo);
- Lãnh đạo UBND huyện;
- Hội đồng thi tuyển viên chức;
- Các thí sinh dự thi;
- Lưu: VT, BTC&NV, GD

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Hữu Khởi





CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

(CẤP MẦM NON)

THÔNG BÁO ĐIỂM KỲ THI TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC SỰ NGHIỆP GD VÀ ĐT HUYỆN ĐIỆN BIÊN NĂM HỌC 2018 - 2019

TỔNG ĐIỂM															
Stt	SBD	Họ và tên	Dân tộc	Ngày tháng năm sinh	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Điểm các bài thi							
								Bài thi Tin học (điều kiện)	Bài thi Ngoại ngữ (điều kiện)	Bài thi Môn Kiến thức chung (hệ số 1)	Bài thi Môn Thực hành (hệ số 2)				
											Điểm Giám khảo 1	Điểm Giám khảo 2	Điểm trung bình		
1	067	Lò Thị Tâm	Thái	20/02/1995	Đội 8a - Xã Thanh Luông - Huyện Điện Biên	CD	GDMN	85	96	96	92	75,5	76,5	76	340
2	001	Đào Thị Lan Anh	Kinh	24/02/1996	Bản Huổi Cánh - Xã Thanh An - H. Điện Biên	CD	GDMN	85	89	99	80	86	85,5	85,75	350,5
3	060	Đặng Thị Hồng Nhung	Kinh	07/7/1997	Đội 5C - Xã Thanh Luông - Huyện Điện Biên	CD	GDMN	90	92	62,5	69,25	56	54,5	55,25	242,25
4	071	Lò Thị Tâm	Thái	20/8/1995	Đội 19 - Xã Thanh Hưng - Huyện Điện Biên	CD	GDMN	80	100	92	92	71,5	71	71,25	326,5
5	031	Nguyễn Thị Thu Hiền	Kinh	03/02/1996	Đội 13A - Xã Thanh Luông - Huyện Điện Biên	CD	GDMN	60	89	90	66,5	85,5	84	84,75	326
6	085	Phạm Thị Thúy	Kinh	08/12/1997	Thôn 9 - Xã Pom Lót - Huyện Điện Biên	CD	GDMN	80	90	95	93,4	82	79	80,5	349,4
7	063	Lò Thị Phương	Thái	14/4/1995	Bản Hồng Lú - Phường Noong Bua - TP DBP	CD	GDMN	90	96	87	87	61	68,5	64,75	303,5
8	073	Hoàng Thị Tâm	Kinh	20/7/1988	Tổ 10 - Phường Nam Thanh - TP DBP	CD	GDMN	90	100	94	92	82	84	83	352
9	039	Nguyễn Thị Hồng	Kinh	02/11/1996	Thôn 10 - Yên Cang - Xã Sam Mún - H.DB	CD	GDMN	95	100	95	84,75	68	68	68	315,75
10	068	Trần Thị Thảo	Kinh	08/9/1994	Đội 4 - Xã Noong Hét - Huyện Điện Biên	CD	GDMN	70	61	70	79,5	80	79	79,5	308,5
11	057	Quảng Thị Mai	Thái	26/4/1995	Bản Na Ten - Xã Pom Lót - H. Điện Biên	CD	GDMN	90	96	69	87,75	68,5	65	66,75	290,25

Stt	SBD	Họ và tên	Dân tộc	Ngày tháng năm sinh	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Điểm các bài thi						TỔNG ĐIỂM	
								Bài thi Tin học (điều kiện)	Bài thi Ngoại ngữ (điều kiện)	Bài thi Môn Kiến thức chung (hệ số 1)	Bài thi Môn Chuyên ngành (hệ số 1)	Bài thi Môn Thực hành (hệ số 2)			
												Điểm Giám khảo 1	Điểm Giám khảo 2		Điểm trung bình
12	098	Mào Thị Vung	Thái	12/12/1996	Đội 12 - Bán Mến - Xã Thanh Nưa - H.ĐB	CĐ	GDMN	90	100	98	82,5	85	86,5	85,75	352
13	069	Lù Thị Thào	Thái	08/7/1991	Lay Nưa - Thị xã Mường Lay	CĐ	GDMN	90	100	98	87	85	85	85	355
14	043	Lương Thị Kiêm	Thái	08/3/1995	Bán Xé - Xã Phu Luông - Huyện Điện Biên	ĐH	GDMN	95	100	16	51,25	46,5	44	45,25	157,75
15	042	Tòng Thị Hương	Thái	10/5/1993	Bán Ta Pô - Phường Thanh Trường - TP ĐBP	CĐ	GDMN	85	100	35	58,5	45	44,5	44,75	183
16	093	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	Kinh	11/10/1996	Đội 7 - Xã Thanh Xương - Huyện Điện Biên	CĐ	GDMN	55	86	90	51	85	84,5	84,75	310,5
17	089	Phạm Thị Huyền Trang	Kinh	15/7/1995	Phố 16 - Phường Thanh Bình - TP ĐBP	ĐH	GDMN	95	86	98	88	80	80,5	80,25	346,5
18	003	Lò Thị Vân Anh	Thái	14/10/1996	Đội 13 - Xã Thanh Nưa - Huyện Điện Biên	ĐH	GDMN	90	85	30	50	58,5	52	55,25	190,5
19	058	Lương Thị Mai	Thái	08/3/1994	Bán Ban - Xã Sam Mún - Huyện Điện Biên	CĐ	GDMN	75	100	97	89,5	85	85,5	85,25	357
20	091	Nguyễn Thùy Trang	Kinh	12/11/1997	Phố 6 - Phường Thanh Trường - TP ĐBP	CĐ	GDMN	70	90	80	92	74,5	72,5	73,5	319
21	021	Lò Thị Hồng Duyên	Thái	14/8/1996	Bán Bánh - Xã Thanh Luông - Huyện Điện Biên	CĐ	GDMN	90	94	98	92,5	81	80	80,5	351,5
22	094	Lê Thị Uyên	Kinh	22/8/1995	Đội 9 - Xã Pom Lót - Huyện Điện Biên	CĐ	GDMN	55	51	90	80,75	66,5	60	63,25	297,25
23	075	Quảng Thị Thanh	Thái	26/9/1992	Đội 3 - Xã Thanh Xương - Huyện Điện Biên	CĐ	GDMN	90	100	98	93,5	74,5	75,5	75	341,5
24	044	Nguyễn Thị Kiều	Kinh	11/12/1996	Đội 4 - Xã Thanh Chấn - Huyện Điện Biên	CĐ	GDMN	95	100	99	93	79	79,5	79,25	350,5
25	065	Quảng Thị Phương	Thái	28/6/1997	Bán Pá Trá - Xã Pá Khoang - Huyện Điện Biên	CĐ	GDMN	55	79	80	62,5	76,5	75	75,75	294
26	029	Lương Thị Hiền	Thái	13/9/1992	Bán Na Ten - Xã Pom Lót - Huyện Điện Biên	CĐ	GDMN								



Stt	SBD	Dân tộc	Ngày tháng năm sinh	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Điểm các bài thi							TỔNG ĐIỂM
							Bài thi Tin học (điều kiện)	Bài thi Ngoại ngữ (điều kiện)	Bài thi Môn Kiến thức chung (hệ số 1)	Bài thi Môn Chuyên ngành (hệ số 1)	Bài thi Môn Thực hành (hệ số 2)			
											Điểm Giám khảo 1	Điểm Giám khảo 2	Điểm trung bình	
							80	97	78,5	81,25	83	81,5	82,25	324,25
27	095	Lò Thị Vân	20/5/1991	Đội 1 - xã Thanh Xương - Huyện Điện Biên	CD	GDMN	85	97	45	20,5	61,5	62,5	62	189,5
28	050	Quảng Thị Loan	16/11/1997	Đội 14 - Xã Thanh Chân - Huyện Điện Biên	CD	GDMN	95	100	99	92	78	78,5	78,25	347,5
29	052	Đỗ Thị Lương	08/6/1996	Đội 10 - Xã Thanh Xương - Huyện Điện Biên	DH	GDMN	90	98	98	75,5	79,5	82	80,75	335
30	027	Lò Thị Hạnh	05/10/1996	Đội 10B - Xã Thanh Yên - Huyện Điện Biên	DH	GDMN	80	51,5	32	41	48,5	45,5	47	167
31	009	Tòng Thị Chung	10/01/1997	Bản Nà Ten - Xã Hua Thanh - H. Điện Biên	CD	GDMN	50	94	93,5	58,25	69	60	64,5	280,75
32	097	Lò Thị Vân	21/11/1992	Đội C1B - Xã Thanh Luông - H. Điện Biên	CD	GDMN	90	96	97	82	85	84	84,5	348
33	035	Lò Thị Hoa	19/12/1990	Đội 7 - Xã Thanh Chân - Huyện Điện Biên	CD	GDMN	75	91,5	20	51	42,5	41,5	42	155
34	077	Lò Thị Phương Thảo	21/04/1995	Đội 7 - Xã Thanh Luông - Huyện Điện Biên	CD	GDMN	55	78	55	55,5	45	45,5	45,25	201
35	082	Nguyễn Thị Thoa	08/3/1994	Thôn 2 - Xã Pom Lót - Huyện Điện Biên	CD	GDMN	90	98	95	81,5	77	75	76	328,5
36	046	Cà Thị Ngọc Lan	08/10/1997	Đội 14 - Xã Noong Hết - Huyện Điện Biên	CD	GDMN	100	100	91,5	83,25	85,5	84,5	85	344,75
37	054	Nguyễn Thị Loan	20/3/1995	Đội 20 - Xã Thanh Hưng - Huyện Điện Biên	CD	GDMN	90	68	57	50	45,5	47	46,25	199,5
38	023	Lường Thị Duyên	15/9/1996	Đội 7B - Xã Noong Hết - Huyện Điện Biên	CD	GDMN	90	98	99	88	80,5	80	80,25	347,5
39	066	Quảng Thị Phương	06/06/1996	Đội 15 - Xã Noong Luông - Huyện Điện Biên	CD	GDMN	95	100	93	68	80	79,5	79,75	320,5
40	019	Cà Thị Dung	15/6/1995	Đội 6 - Xã Thanh Chân - Huyện Điện Biên	CD	GDMN	75	100	55	54	41,5	40,5	41	191
41	048	Điền Thị Liễu	02/7/1994	Khổng Lào-Huyện Phong Thổ-Tỉnh Lai Châu	DH	GDMN								

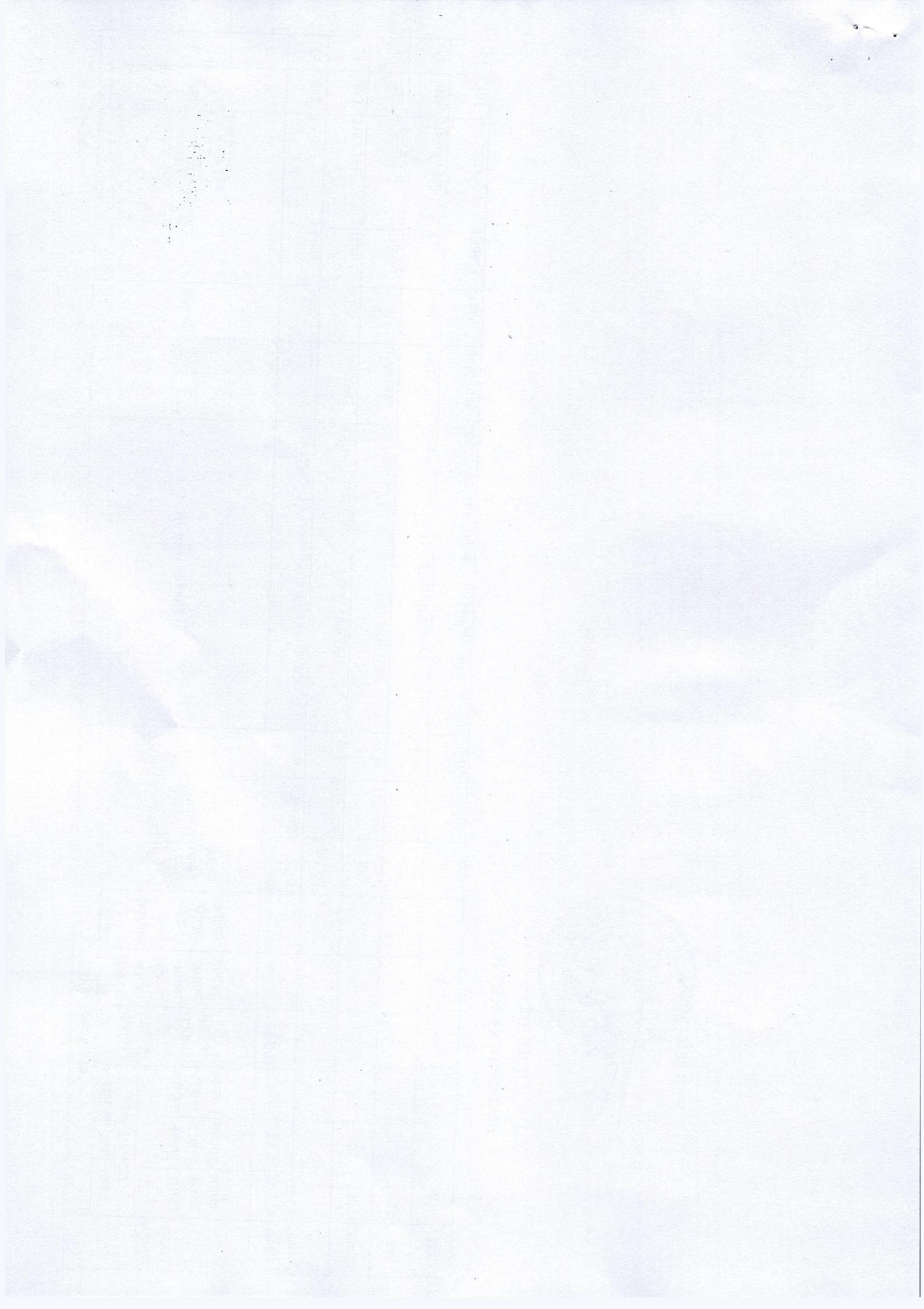
Stt	SBD	Họ và tên	Dân tộc	Ngày tháng năm sinh	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Điểm các bài thi						TỔNG ĐIỂM	
								Bài thi Tin học (điều kiện)	Bài thi Ngoại ngữ (điều kiện)	Bài thi Môn Kiến thức chung (hệ số 1)	Bài thi Môn Chuyên ngành (hệ số 1)	Bài thi Môn Thực hành (hệ số 2)			
												Điểm Giám khảo 1	Điểm Giám khảo 2		Điểm trung bình
42	007	Nguyễn Ngọc Bích	Kinh	19/11/1992	Đông Biên 1 - Xã Thanh An - Huyện Điện Biên	CĐ	GDMN	95	96	98	83	85	86	85,5	352
43	100	Giảng Ly Xó	Hà Nhì	14/4/1993	Xã Chung Chải - Huyện Mường Nhé	CĐ	GDMN	95	100	96	64,25	81	80	80,5	321,25
44	025	Lương Thị Hằng	Thái	02/11/1997	Bản Tầu - Xã Hua Thanh - Huyện Điện Biên	CĐ	GDMN	50	50,5	5	50	76	78	77	209
45	084	Lò Thị Thương	Thái	05/5/1996	Bản Chả - Quài Nưa - Huyện Tuần Giáo	CĐ	GDMN	60	93	15	50	43	39	41	147
46	011	Lò Thị Cúc	Thái	15/3/1996	Bản Nà Púng-Phường Thanh Trường-TP ĐBP	CĐ	GDMN	90	91	82	50	80	80,5	80,25	292,5
47	017	Quảng Thị Đồi	Thái	08/01/1996	Huyện Quỳnh Nhai - Tỉnh Sơn La	CĐ	GDMN	55	82	72	32,5	44,25	45,5	44,88	194,25
48	079	Quảng Thị Thi	Thái	24/11/1997	Thị trấn Tuần Giáo - Huyện Tuần Giáo	CĐ	GDMN	90	100	87	83,75	81	81	81	332,75
49	015	Lầu Thị Dénh	Mông	20/11/1997	Kèo Lôm - Huyện Điện Biên Đông	CĐ	GDMN	65	84	15	41	55,5	53	54,25	164,5
50	081	Hà Thị Thơ	Thái	29/9/1997	Xã Mường Giôn-Huyện Quỳnh Nhai-T. Sơn La	CĐ	GDMN	60	75	40	50,5	42	45	43,5	177,5
51	040	Nguyễn Thị Huệ	Kinh	01/02/1997	Xã Búng Lao - Huyện Mường Ảng	CĐ	GDMN	55	90	35	40,5	46	46,5	46,25	168
52	87	Lò Thị Thanh Thủy	Thái	02/11/1996	Bản Bính - Xã Thanh Luông - Huyện Điện Biên	CĐ	GDMN	90	64,5	84	66,5	80	78	79	308,5
53	013	Lương Thị Kim Dang	Thái	29/5/1991	Tổ 4- Phường Thanh Trường - TP ĐBP	CĐ	GDMN	95	96	86	69,25	70	68,5	69,25	293,75
54	062	Cà Thị Nhung	Thái	10/01/1996	Bản Pom Ban -Xã Quài Tở - Huyện Tuần Giáo	CĐ	GDMN	50	83	76	87,5	61,5	60	60,75	285
55	036	Quảng Thị Hoan	Thái	20/6/1992	Bản Đông Mết - Xã Pá Khoang - H. Điện Biên	CĐ	GDMN	Bỏ thi							
56	005	Chu Hồng Anh	Nùng	03/12/1995	Tổ 7 - Phường Noong Bua - TP ĐBP	CĐ	GDMN	90	97,5	65	79,25	80,5	80	80,25	304,75

Stt	SBD	Họ và tên	Dân tộc	Ngày tháng năm sinh	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Điểm các bài thi							TỔNG ĐIỂM
								Bài thi Tìm học (điều kiện)	Bài thi Ngoại ngữ (điều kiện)	Bài thi Môn Kiến thức chung (hệ số 1)	Bài thi Môn Chuyên ngành (hệ số 1)	Bài thi Môn Thực hành (hệ số 2)			
												Điểm Giám khảo 1	Điểm Giám khảo 2	Điểm trung bình	
57	053	Lò Thị Loan	Lào	08/3/1996	Bản Na Cọ-Xã Mường Lói-Huyện Điện Biên	CD	GDMN	55	29	60	59	38	39,5	38,75	196,5
58	033	Trần Thị Hiền	Kinh	12/8/1995	Tổ 16- Phường Mường Thanh - TP DBP	CD	GDMN	Bỏ thi							
59	020	Lường Thị Dương	Thái	02/9/1996	Đội 17 - Xã Noong Hết - Huyện Điện Biên	CD	GDMN	85	96	80	84,25	86	86	86	336,25
60	059	Nguyễn Thị Ly	Kinh	16/12/1997	Phường Nam Thanh - TP Điện Biên Phủ	CD	GD mầm	75	84	95	82,5	70	72,5	71,25	320
61	038	Lò Thị Hoàng	Thái	07/5/1995	Đội 7 - Xã Hua Thanh - Huyện Điện Biên	CD	GDMN	60	80	60	50,5	61	61	61	232,5

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH





ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐIỆN BIÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG BÁO ĐIỂM KỶ THI TUYỂN DỤNG CÔNG SỰ NGHIỆP GD&ĐT HUYỆN ĐIỆN BIÊN NĂM HỌC 2018 - 2019

(CẤP TIỂU HỌC)



CẤP TIÊU HỌC																		
Stt	SBD	Họ và tên	Dân tộc	Ngày tháng năm sinh	Hộ khẩu thường trú	Vị trí đăng ký dự tuyển	Các điều kiện dự tuyển		Diện ưu tiên	Điểm các bài thi								TỔNG ĐIỂM
							Trình độ	Chuyên ngành đào tạo		Bài thi Tin học (điều kiện)	Bài thi Ngoại ngữ (điều kiện)	Bài thi Môn Kiến thức chung (thệ số 1)	Bài thi Môn Chuyên ngành (thệ số 1)	Bài thi Môn Thục hành (thệ số 2)				
														Điểm	Điểm	Điểm	Điểm	
1	006	Quảng Thị	Chinh	Thái	10/7/1995	Bản Co Chay 1 - Xã Mường Pồn - Huyện Điện Biên	DH	Giáo dục tiểu học		90	100	95	82	80,5	80	80,25	337,5	
2	008	Lò Thị	Cương	Thái	18/7/1996	Bản Sái Ngòi - Xã Quai Càng - Huyện Tuần Giáo	DH	Giáo dục tiểu học		60	96	70	77	40	40	40	227	
3	016	Lầu A	Sùng	Mông	04/04/1993	Bản Dè Chia B - Xã Pù Nhung - Huyện Tuần Giáo	DH	Giáo dục tiểu học		55	66	84,5	52	42,5	43	42,75	222	
4	018	Lò Văn	Sàng	Thái	28/12/1996	Bản Miến - Xã Hua Trai - H. Mường La - Tỉnh Sơn La	DH	Giáo dục tiểu học		50	58,5	55	23	41	40	40,5	159	
5	022	Cà Thị	Hôm	Thái	05/9/1994	Bản Co Miến - Xã Mường Phăng - Huyện Điện Biên	DH	Giáo dục tiểu học		80	90	95	78,5	54,6	52,75	53,675	280,85	
6	088	Quảng Thị	Thủy	Thái	10/02/1994	Bản Nà Tấu 2 - Xã Nà Tấu - Huyện Điện Biên	DH	Giáo dục tiểu học		95	91	98	92,5	85,5	86,5	86	362,5	
7	047	Lò Thị	Hương	Thái	27/6/1995	Bản Mường Pồn 1 - Xã Mường Pồn - Huyện Điện Biên	DH	Giáo dục tiểu học		95	100	94	77,5	61	60	60,5	292,5	
8	045	Vì Văn	Phát	Thái	10/7/1996	Bản Kép - Xã Mường Đun - Huyện Tuần Giáo	DH	Giáo dục tiểu học		65	84	40	62,5	38	36	37	176,5	
9	032	Sông A	Sùa	Mông	08/07/1995	Bản Huổi Pán - Huổi Mội - Sông Mã - Tỉnh Sơn La	DH	Giáo dục tiểu học		70	27,5	31,5	51	38	36	37	156,5	
10	030	Lò Thị	Hải	Thái	10/10/1994	Bản Dưa Mòn - Dưa Mòn - Sông Mã - Tỉnh Sơn La	DH	Giáo dục tiểu học		90	82	95	64,5	44,75	44	44,375	248,25	
11	083	Lương Thị	Thiệt	Thái	01/02/1994	Bản Bó - Xã Pá Khoang - Huyện Điện Biên	DH	Giáo dục tiểu học		75	93,5	56	85,75	86	85	85,5	312,75	
12	041	Lương Thị Phương Thảo	Thái	Thái	11/02/1996	Bản Nà Phay - Xã Mường Nhà - Huyện Điện Biên	DH	Giáo dục tiểu học		80	95	20	56	52,5	51,5	52	180	
13	056	Vàng A	Giờ	Mông	12/8/1995	Bản Pù Lau - Xã Mường Nhà - Huyện Điện Biên	DH	Giáo dục tiểu học		95	100	98	87,5	84	85	84,5	354,5	
14	086	Lò Thị	Dung	Thái	03/4/1991	Dối 2 - Xã Thanh Chân - Huyện Điện Biên	DH	Giáo dục tiểu học		95	100	65	80	80	82	81	307	

Stt	SBD	Họ và tên	Dân tộc	Ngày tháng năm sinh	Hộ khẩu thường trú	Vị trí đăng ký dự tuyển	Các điều kiện dự tuyển		Diện ưu tiên	Điểm các bài thi						TỔNG ĐIỂM	
							Trình độ	Chuyên ngành đào tạo		Bài thi Tin học (điều kiện)	Bài thi Ngoại ngữ (điều kiện)	Bài thi Môn Kiến thức chung (hệ số 1)	Bài thi Môn Chuyên ngành (hệ số 1)	Bài thi Môn Thực hành (hệ số 2)			
														Điểm Giám khảo 1	Điểm Giám khảo 2		Điểm trung bình
15	076	Vũ Quang Hưng	Kinh	06/10/1988	Xã Mường Nhà - Huyện Điện Biên	Giáo viên thể dục	ĐH	Giáo dục thể chất		95	100	94	63,5	52	54	263,5	
16	061	Hà Công Chiến	Mường	10/5/1994	Đội 13 - Xã Noong Hẹt - Huyện Điện Biên		ĐH	Giáo dục thể chất		Bỏ thi							
17	028	Trần Tiến Lực	Kinh	14/4/1996	Đội 24 - Xã Noong Hẹt - Huyện Điện Biên		ĐH	Quản lý TDTT		55	86	50	5,5	36	38	37	129,5
18	080	Vị Văn Hùng	Thái	14/02/1993	Bản Na Phay - Xã Mường Nhà - Huyện Điện Biên		ĐH	Giáo dục thể chất		90	98	55	60	41	40	40,5	196
19	078	Lương Văn Sinh	Nùng	02/10/1995	Đội 17 - Xã Thanh Chấn - Huyện Điện Biên		ĐH	Giáo dục thể chất		Bỏ thi							
20	037	Chá Thị Dưa	Mông	10/6/1995	Bản Khua Trá - Phình Sáng - Huyện Tuần Giáo	Giáo viên Âm nhạc	ĐH	Giáo dục thể chất		Bỏ thi							
21	024	Trần Thanh Long	Kinh	25/4/1992	Đội 5 - Xã Noong Luống - Huyện Điện Biên		ĐH	Giáo dục thể chất		Bỏ thi							
22	004	Hạng A Páo	Mông	19/9/1995	Đê Tàu - Mường Dun - Huyện Tuần Giáo		ĐH	SP Âm nhạc		Bỏ thi							
23	026	Sông A Phú	Mông	13/11/1991	Xã Co Mạ - Huyện Thuận Châu - T. Sơn La		CD	SP Âm nhạc		60	60,5	87,5	65	44	40	42	236,5
24	090	Lò Văn Tươi	Thái	01/7/1990	Phổng Lãng - Huyện Thuận Châu - T. Sơn La		CD	KH Thư viện		85	98	98	51			97	343
25	012	Lương Thị Niêm	Thái	02/11/1995	Bản Lịch Tở - Xã Nậm Lịch - Huyện Mường Ảng	Nhân viên thư viện	CD	KH Thư viện	Quản nhân xuất ngũ	95	96	85	52			60	257
26	092	Lò Văn Cường	Thái	10/7/1988	Bản Na Dôn - Xã Hẹ Muống - Huyện Điện Biên		CD	Thư viện - T. tin		95	98	70	56			96	318
27	014	Lò Văn Thiết	Thái	26/5/1996	Bản Nong - Thị trấn Tuần Giáo - Huyện Tuần Giáo		CD	KH Thư viện		90	100	86	37			59	241
28	096	Quảng Văn Nghĩa	Thái	17/3/1987	Bản Giảng - Xã Ảng Cang - Huyện Mường Ảng		CD	Sử - GDGD		95	100	98	50			94	336
29	070	Lò Thị Khiên	Thái	08/6/1990	Bản Na Dôn - Xã Hẹ Muống - Huyện Điện Biên		CD	TV - Thông tin	Quản nhân xuất ngũ	95	91	90	81			97	365
30	099	Hoàng Hữu Mười	Tây	19/01/1983	Đội 4 - Xã Thanh Luống - Huyện Điện Biên		CD	SP Văn - Sử		90	73	81,5	82			95	353,5
31	074	Lò Thị Long	Thái	17/02/1989	Đội 10 - Xã Noong Luống - Huyện Điện Biên		CD	TV - Thông tin		85	96	95	50			96	337

Điểm các bài thi														TỔNG ĐIỂM			
Các điều kiện dự tuyển		Điện ưu tiên	Bài thi Tin học (điều kiện)	Bài thi Ngoại ngữ (điều kiện)	Bài thi Môn Kiến thức chung (hệ số 1)	Bài thi Môn Chuyên ngành (hệ số 1)	Bài thi Môn Thực hành (hệ số 2)										
							Điểm Giám khảo 1	Điểm Giám khảo 2	Điểm trung bình								
Số báo danh	Dân tộc	Ngày tháng năm sinh	Hộ khẩu thường trú	Vị trí đăng ký dự tuyển	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	TC	TV - Thiết bị	TC	TV - Thiết bị	TC	TV - Thiết bị	TC	TV - Thiết bị			
32	049	Phồng Thi	Quế	Thái	15/12/1989	Bản Nà Phay - Xã Mường Nhà - Huyện Điện Biên			TC	TV - Thiết bị	95	92	90	78		89	346
33	055	Lò Thị	Dung	Thái	20/02/1990	Đội 6 - Xã Hua Thanh - Huyện Điện Biên			TC	TV - Thiết bị	55	66	45	50		21	137
34	051	Quảng Thị	Bích	Thái	25/3/1991	Bản Nà Nọi - Xã Nà Nhạn - Huyện Điện Biên			TC	TV - Thiết bị	55	54	79	51		28	186



TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Nguyễn Hữu Khôi



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HÔNG BẢO ĐIỂM KỲ THI TUYỂN DỤNG CÔNG SỰ NGHIỆP GD VÀ ĐT HUYỆN ĐIỆN BIÊN NĂM HỌC 2018 - 2019

(CẤP THCS)

T.Đ															
---	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



